TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 189/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 22/5/2018
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ-TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Hậu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Văn Hiển.
2. Bà Trương Thị Thu Thủy.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Trần Văn Quang, Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện châu Phú, tỉnh An Giang *tham gia phiên toà:* Bà Lê Thị Kim Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2018/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2018/QĐXX-ST ngày 03 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1982; nơi cư trú: Tổ 10, ấp V L, thị trấn C D, huyện C P, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Phú Q, sinh năm 1978; nơi cư trú: Tổ 10, ấp V L, thị trấn C D, huyện C P, tỉnh An Giang

(Các đương sự có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Phú Q trình bày ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Phú Q tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2001, có đăng ký kết hôn, quá trình chung sống vợ chồng lúc đầu hạnh phúc, nhưng thời gian gần đây thì xảy ra mâu thuẫn, theo chị T cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Q thường hay cờ bạc, dùng những lời lẽ thô tục chửi chị, ngoài ra còn đánh đập vợ con, đuổi chị ra khỏi nhà, do vậy vợ chồng không thể tiếp tục sống chung được nữa nên chị có yêu cầu xin ly hôn với anh Q. Anh Q thì cho rằng anh cũng có chơi cờ bạc, nhưng về tiền bạc anh đi làm được bao cũng giao cho chị T, quá trình chung sống đôi lúc có nóng giận và dùng những lời lẽ thô tục chửi chị T, còn về việc chị T cho rằng đánh vợ con thì anh chỉ có đánh 01 lần do vợ đánh anh trước, tuy nhiên hiện anh còn rất thương vợ nên không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị T, sinh năm 2002 và Nguyễn Phú C, sinh năm 2004, hiện con chung đang sống với chị T, chị xin tiếp

tục nuôi dạy hai con và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Anh Q cũng xin nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án: Từ giai đoạn thụ lý đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đều thực hiện tuân theo pháp luật trong tố tụng. Về quan điểm giải quyết vụ án, đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú nhận thấy yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận, về cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu, nên không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung chị T và anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp:

Căn cứ vào đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo thì vụ án thuộc quan hệ về tranh chấp hôn nhân và gia đình, cụ thể chị Phạm Thị T yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Phú Q. Có 02 con chung tên Nguyễn Thị T, sinh năm 2002 và Nguyễn Phú C, sinh năm 2004, chị T yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, Tòa án thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Do đây là loại kiện về tranh chấp hôn nhân và gia đình được quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện mà cụ thể là Tòa án nhân dân huyện Châu Phú thụ lý giải quyết do bị đơn có nơi cư trú tại địa bàn huyện Châu Phú theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về trình tự và thủ tục khởi kiện:

Xét đây là vụ án không bắt buộc phải thông qua hòa giải cơ sở, nên chị Phạm Thị T làm đơn khởi kiện trực tiếp ra Tòa án vẫn hợp lệ.

[1.4] Về thủ tục tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự theo đúng quy định tại Điều 175 và Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay các đương sự đều có mặt nên Tòa án tiến hành xét xử là đúng theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Giữa chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Phú Q được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn đúng theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, nên xem đây là hôn nhân hợp pháp, do vậy tại phiên tòa hôm nay, chị T yêu cầu xin ly hôn với anh Q, anh Q không đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa chị T và anh Q thật sự đã đổ vỡ, bởi qua trình bày của các bên đều xác định nguyên nhân mâu thuẩn là do anh Q thường hay cờ bạc và có hành vi đánh vợ, dùng những lời lẽ thô tục chửi chị T, đây là hành vi bạo lực

gia đình, không thể chấp nhận được, nếu tiếp tục sống chung thì sẽ không đảm bảo được hạnh phúc gia đình, hơn nữa qua xác minh cũng xác định giữa vợ chồng chị T và anh Q thường hay cải vã gây mất trật tự địa phương, điều đó thể hiện tình nghĩa vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy việc chị T xin ly hôn với anh Q là có cơ sở nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị T, sinh năm 2002 và Nguyễn Phú C, sinh năm 2004. Cả chị T và anh Q đều xin nuôi. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay cháu Tuyền và cháu Cường đang sống ổn định với chị T và được chị Tuyền chăm sóc tốt, chị T cũng có công việc ổn định, hơn nữa theo nguyện vọng của cháu T và cháu C cũng có yêu cầu xin được sống chung với chị T, do đó Hộ đồng xét xử xét giao 02 con chung cho chị T tiếp tục nuôi dạy là hợp lý.

[2.3] Về cấp dưỡng: Chị T không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh Q không yêu cầu, nên không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Do yêu cầu xin ly hôn của chị T được chấp nhận, nên chị T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm được quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q hội; số tiền án phí chị T phải chịu nói trên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0002109 ngày 15/01/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú, chị T đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 175, Điều 177, Điều 227, Điều 233, Điều 235 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ vào Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q hội.

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị T đối với anh Nguyễn Phú Q.

- Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Thị T, sinh năm 2002 và Nguyễn Phú C, sinh năm 2004 cho chị T tiếp tục nuôi dạy, trông nom, chăm sóc và giáo dục. Anh Q được quyền thăm nom con chung mà không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của đương sự hoặc cá nhân, tổ chức thì Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về cấp dưỡng: Chị T không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh Q không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đán phí hôn nhân sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0002109

ngày 15/01/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú, chị T đã nộp đủ.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Phú;
- Chi cục THADS huyện Châu Phú;
- UBND thị trấn Cái Dầu
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Phước Hậu